

Bản án số:154/2019/HS-ST
Ngày 05 tháng 12 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Minh Ái

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Vũ Thị Kim Dung – Giáo viên nghỉ hưu

Ông Phạm Xuân Thọ – Cán bộ mặt trận tổ quốc thành phố Vinh Yên

Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Vinh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc, xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 118/2019/HS-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 121/2019/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Đặng Trần Q, sinh ngày: 16/5/2001, tại Vinh Phúc; trú tại: Thôn Ngọc Thạch 1, xã An H, huyện Tam D, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Q và bà Đào Thị A; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Nguyễn Văn Th, sinh ngày: 22/5/2001, tại Vinh Phúc; trú tại: Thôn Đô Lương, xã An H, huyện Tam D, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành D và bà Phan Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. Nguyễn Văn C, sinh ngày: 09/7/2002, tại Vinh Phúc; trú tại: Thôn Đô Lương, xã An H, huyện Tam D, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. Nguyễn C Kh, sinh ngày: 03/7/2002, tại Vinh Phúc; trú tại: Thôn Đô Lương, xã An H, huyện Tam D, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Học sinh; trình

độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Đào Thị A; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đặng Trần Q đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1975 (là bố bị cáo Q); nơi cư trú: Thôn Ngọc Thạch 1, xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Trần Q: Ông Nguyễn Tuấn An – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn Th đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Tâm, sinh năm 1978 (là mẹ bị cáo Th); nơi cư trú: Thôn Đô Lương, xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn C đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (là mẹ bị cáo C); nơi cư trú: Thôn Đô L, xã An H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn C Kh đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị A, sinh năm 1974 (là mẹ bị cáo Kh); nơi cư trú: Thôn Đô L, xã An H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn C Kh: Bà Kim Hồng Thanh – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Bị hại: Anh Phạm Thế H, sinh ngày 22/9/2002; trú tại: Thôn Phú Cường, xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1979 (là bố anh H); trú tại: Thôn Phú C, xã Đồng C, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Trung Th, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn Hợp H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Đô L, xã An H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Phạm Mạnh H, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Phú C, xã Đồng C, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/10/2018 Đặng Trần Q có đặt mua của anh Phạm Thế H, ở xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc qua mạng Facebook 01 điện thoại Iphone 6 với giá 2.600.000đ, sau khi mua xong về kiểm tra thấy điện thoại bị hỏng camera trước, Q lên mạng liên lạc với anh H thì bị chặn Facebook, gọi điện thoại thì anh H không nghe máy. Cho rằng mình bị anh H lừa bán cho mình điện thoại hỏng lên Q có ý định lừa anh H bằng cách mua điện thoại khác, sau đó sẽ chiếm

đoạt điện thoại của anh H. Đến khoảng 13 giờ ngày 18/10/2018, Q rủ Nguyễn Văn Th đi sửa điện thoại vừa mua của anh H, Th đồng ý rồi lấy xe máy chở Q đi sửa điện thoại ở cửa hàng điện thoại Lê Cấp ở ngã tư Tam Dương, thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên. Trong thời gian chờ sửa điện thoại, Q mượn điện thoại Iphone 5 của Th lên Facebook dùng nickname của Th liên lạc với anh H hỏi mua điện thoại. Lúc này Th hỏi Q nhắn tin cho ai thì Q kể lại toàn bộ câu chuyện bị anh H lừa và rủ Th đi cùng đánh anh H và dặn Th nếu anh H nhắn lại thì bảo Q, Th đồng ý. Sau khi sửa điện thoại xong trên đường đi về Q bảo Th rủ thêm Nguyễn Văn C và Nguyễn C Kh tham gia cùng. Sau khi chở Q về nhà trên đường về gặp C và Kh, Th rủ cả hai tham gia việc đánh anh H, C, Kh đồng ý.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, Th nhận được tin nhắn của anh H với nội dung có 01 điện thoại Iphone 7 Plus muốn bán với giá 8.400.000đ, bèn gọi điện thoại thông báo cho Q, Q bèn bảo Th gửi số điện thoại của Q cho anh H để liên lạc việc mua bán đồng thời bảo Th đến đón Q. Sau đó anh H liên lạc với Q và hẹn địa điểm mua bán điện thoại là ở ngã tư Tam Dương, thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Về phía Th, sau khi liên lạc với Q xong, Th bảo C, Kh cùng đi đến nhà Q để cùng đi đánh anh H. Trong khi chờ Th đến đón Q xuống bếp lấy 01 con dao, dạng dao gọt hoa quả dài khoảng 21 cm có chuôi nhựa màu vàng đục vào cặp sách đeo trên người. Lúc sau Th đến đón thì Q bảo đi ra ngã tư Tam Dương, khi ra đến cổng thì gặp C và Kh vừa đến thì cả nhóm đi về khu vực ngã tư Tam Dương. Đối với anh H sau khi hẹn Q bèn rủ anh Phạm H Lưu Phong đi cùng để giao dịch bán máy điện thoại cho nhóm của Q như đã hẹn trước đó.

Khi nhóm của Q đi đến khu vực cầu vượt đường sắt trên đường Lý Thường Kiệt, thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, cả nhóm đứng lại để đợi người lái xe máy, Kh sang điều khiển xe chở Q, còn Th ngồi phía sau xe của C. Khi dừng lại Q lấy thuốc lá ra hút thì để hở chuôi dao trong cặp sách Kh nhìn thấy có hỏi “Anh mang dao làm gì?” Q nói “Anh mang theo để đánh lại nó để cướp máy” thấy thế cả Kh và Th đều nói “Không cướp đâu” còn C không nói gì. Tuy nói “Không cướp đâu” nhưng khi thấy Q nói “có gì giúp tao” thì không ai nói gì và cũng không ai bỏ về mà vẫn tiếp tục đi cùng giúp Q đánh anh H để lấy điện thoại. Lúc này Q đưa cho Th 01 điện thoại NOKIA 1280 để liên lạc với anh H và dặn khi nào gặp H thì hẹn ra chỗ tối, ít người qua lại và khi xem máy phải yêu cầu anh H thoát Icloud ra, sau đó gọi Q đến, Th đồng ý và đưa cho Q điện thoại Iphone 5 của mình để liên lạc. Bàn bạc xong Q phân C cho Th và C đi trước gặp H, còn Kh chở Q đi sau tránh mặt. Cùng lúc này anh H gọi điện thoại cho Th hẹn gặp ở khu chợ Cói cũ để xem điện thoại, thấy thế Kh chở Q, C chở Th đi đến khu vực ngã tư Tam Dương đến nơi cả nhóm đi thẳng vào ngõ 33 đường Hùng Vương, Q, Kh đi sâu vào ngõ để tránh mặt, còn Th và C nghe điện thoại và hướng dẫn anh H cùng bạn là anh Phong đi theo Th và C vào ngõ 33, nơi mà Q và Kh đã vào trước đó. Khi đi sâu vào Ngõ 33 được khoảng 100 m thì tất cả mọi người dừng lại. Tại đây Th yêu cầu được xem máy điện thoại rồi mặc cả giá bán

máy là 8.200.000đ, đồng thời yêu cầu anh H thoát Icloud của máy, sau đó Th lấy lý do quên đem tiền và gọi điện thoại cho Q, khi đến nơi Q yêu cầu được xem điện thoại và hỏi đã thoát Icloud chưa, anh H đưa điện thoại cho Q xem đồng thời nói “Thoát rồi”. Thấy máy đã thoát Icloud Q tháo Sim trả lại cho anh H, còn điện thoại Q cất vào cặp sách đem theo rồi ngồi lên xe máy của Kh. Lúc này anh H đi đến chặn đầu xe của Kh để đòi tiền thì Q rút dao ra chỉ về phía anh H, thấy vậy anh H hoảng sợ tránh sang một bên thấy thế Kh chở Q phóng xe máy đi, còn C chở Th cũng phóng xe máy chạy theo. Cả nhóm về đến xã An Hòa thì giải tán ai về nhà đó. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày Q gọi điện thoại cho anh Nguyễn Trung Thành bảo có chiếc điện thoại Iphone 7 Plus muốn bán, sau đó anh Thành đến nhà Q xem máy điện thoại, hai bên thỏa thuận giá chiếc điện thoại là 7.000.000 đ, anh Thành trả trước 6.000.000 đ, nợ lại Q 1.000.000đ.

Ngày 19/10/2018, anh Phạm Ngọc H đến C an phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên trình báo sự việc bị Đặng Trần Q cùng đồng bọn dùng dao đe dọa, chiếm đoạt của anh điện thoại Iphone 7 Plus, trị giá thiệt hại về tài sản khoảng 8.200.000đ.

Về tang vật vụ án: Ngày 19/10/2018, anh Nguyễn Trung Thành giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại Iphone 7Plus màu hồng; Đặng Trần Q giao nộp 01 con dao, dạng dao gọt hoa quả, lưỡi dao bằng inox; 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen và số tiền 6.000.000đ; Nguyễn Văn Th giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen BKS 88K6 – 1385; Ngày 20/10/2018, Nguyễn C Kh giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS 88B1 – 199.52.

Tại kết luận định giá số 191/KL-HĐĐG ngày 02/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố Vĩnh Yên kết luận: 01 điện thoại Iphone 7Plus 32GB màu hồng, đã qua sử dụng, trị giá 8.000.000đ.

Tại bản kết luận giám định số 1171/KLGĐ ngày 25/6/2019, Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Mẫu vật gửi giám định không thuộc danh mục vũ khí theo quy định tại Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và C cụ hỗ trợ... Tại thời điểm giám định mẫu vật hoạt động bình thường”. Hoàn lại mẫu vật gửi giám định cho cơ quan trung cầu.

Tại Cáo trạng số: 123/CT-VKSTPVY ngày 07/10/2019, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã truy tố bị cáo Đặng Trần Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn C Kh về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Đặng Trần Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn C Kh khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng nêu trên.

Người bị hại anh Phạm Thế H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng nêu trên. Anh H xác định đã được gia đình các bị cáo bồi thường số tiền 8.200.000đ, nay không yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp các bị cáo đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quyền, bà Tâm, bà Ly, bà Anh trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo và gia đình các bị cáo đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 8.200.000 đ; trả cho anh Nguyễn Trung Thành 6.000.000đ, số tiền này đại diện gia đình bị cáo không yêu cầu các bị cáo trả lại, đồng thời đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại ông Mười thừa nhận lời khai của con trai ông như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, vị trí vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 17; Điều 54; Điều 58; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với tất cả các bị cáo, riêng bị cáo Kh đề nghị áp dụng thêm khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Q từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; bị cáo Th từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, bị cáo C từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù; bị cáo Kh 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phan Thị Tâm xe máy BKS 88K6 – 1385; cho chị Nguyễn Thị Khánh, chiếc xe BKS 88B1 – 199.52. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao gọt hoa quả của Đặng Trần Q, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 6.000.000đ của Q do phạm tội mà có. Tịch thu bán phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại 1280, trả lại cho anh H 01 điện thoại Iphone 7Plus màu hồng.

Người bào chữa cho bị cáo bị cáo Q, Th, C, Kh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thấp nhất, đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 54; Điều 58; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với tất cả các bị cáo, xử phạt các bị cáo mức án dưới 03 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các

tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Xuất phát từ việc Đặng Trần Q mua điện thoại Iphone 6 của anh Phạm Thế H, sau đó về kiểm tra thấy máy bị hỏng camera phía trước, cho rằng anh H lừa bán máy hỏng cho mình nên ngày 18/10/2018, trong khi đi sửa điện thoại, Q mượn điện thoại của Nguyễn Văn Th để nhắn tin lừa mua điện thoại của anh H rồi nói cho Th biết việc anh H lừa bán máy hỏng cho Q và rủ Th đi đánh H, Th rủ thêm Nguyễn C Kh và Nguyễn Văn C đi cùng để đánh H. Khi anh H nhắn tin cho Th báo có điện thoại Iphone 7 Plus cần bán, Th nói lại nội dung trên cho Q rồi cùng C, Kh đến nhà Q còn Q trong khi chờ Th đến đón cũng đem theo 01 con dao dài 21,7cm. Sau đó, Th chở Q, Kh chở C đi về khu vực ngã tư Tam Dương để gặp anh H. Khi đến khu vực cầu vượt đường sắt trên đường Lý Thường Kiệt, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên thì Q nói cho cả nhóm biết việc Q cầm dao đi mục đích để dọa đánh rồi cướp điện thoại của anh H thì Th, C, Kh đồng ý giúp Q. Khoảng 18 giờ 20 ngày 18/10/2019, tại ngõ 33, đường Hùng Vương, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, Q, Th, C, Kh có hành vi dùng dao đe dọa làm anh H hoảng sợ rồi chiếm đoạt của anh H 01 điện thoại Iphone 7Plus. Trị giá điện thoại Iphone 7Plus là 8.000.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Q, Th, C, Kh đã phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, Khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 07 đến 15 năm tù.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây mất an ninh, trật tự ở địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, vị trí vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt đến 15 năm tù nên thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Q là người chủ mưu, khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Th, C, Kh tham gia với vai trò giúp sức các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tổng số tiền chiếm đoạt theo kết luận định giá là 8.000.000đ.

Xét vị trí vai trò của từng bị cáo các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo thấy rằng:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Q là người chủ mưu, cầm đầu và trực tiếp thực hiện tội phạm, bằng thủ đoạn dùng hung khí nguy hiểm là dao nhọn uy hiếp tinh thần bị hại H nhằm chiếm đoạt tài sản, do đó bị

cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Các bị cáo còn lại gồm bị cáo Th, C, Kh đều là đồng phạm giúp sức về tinh thần để bị cáo Q quyết tâm thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ tham gia thực hiện tội phạm, tuy nhiên vai trò của bị cáo Th, C, Kh đều là những người phạm tội lần đầu và là đồng phạm giúp sức có vai trò không đáng kể, do bị rủ rê nên nhất thời phạm tội, chưa nhận thức đầy đủ về tính chất nghiêm trọng cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, nên cần cân nhắc xem xét khi lượng hình.

Khi quyết định hình phạt xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tình tiết dùng hung khí nguy hiểm là tình tiết định khung do đó các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo chưa đủ tuổi thành niên nên nhận thức về xã hội nói chung và pháp luật nói riêng còn có nhiều hạn chế, do đó cần áp dụng những quy định về nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội quy định ở Điều 90, Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 khi cân nhắc quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn là cần thiết nhằm cải tạo người phạm tội trở thành C dân có ích cho gia đình và xã hội, tuy nhiên để tạo cơ hội cho người phạm tội sửa chữa lỗi lầm, hơn nữa tài sản chiếm đoạt trong vụ án này có giá trị không lớn, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo mức án dưới khung hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Riêng đối với bị cáo Kh giữ vai trò đồng phạm thứ yếu, lại đang đi học do đó cần cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục đi học như đề nghị của người bào chữa cũng như của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo Kh, C là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung, bị cáo Q, Th không có nghề nghiệp và C việc ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và

những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với anh Nguyễn Trung Thành là người mua điện thoại Iphone 7Plus, nhưng anh Thành không biết điện thoại trên là do Q phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Thành là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 6.000.000đ anh Thành mua điện thoại của Q, quá trình giải quyết vụ án gia đình Q đã bồi thường cho anh Thành số tiền trên, anh Thành đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì khác về dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với số tiền trả cho anh Thành 6.000.000đ, trả cho anh H 8.200.000đ; đại diện gia đình các bị cáo không yêu cầu các bị cáo trả lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng:

Đối với điện thoại Iphone 7Plus màu hồng là tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại nên cần trả lại cho bị hại. Đối với con dao Q dùng để đe dọa anh H chiếm đoạt điện thoại Iphone 7Plus đây là C cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 6.000.000đ do Q phạm tội mà có cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen là C cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước. Đối với điện thoại Iphone 5 của Th cho Q mượn sử dụng vào việc phạm tội, quá trình sử dụng bị hỏng nên Th đã ném bỏ cơ quan điều tra không thu giữ được, nên không đặt ra xem xét xét.

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 88K6 – 1385 và xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS 88B1 – 199.52 là phương tiện Nguyễn Văn Th và Nguyễn C Kh sử dụng vào việc phạm tội, quá trình điều tra xác định, xe máy BKS 88K6 – 1385 của chị Phan Thị Tâm, chiếc xe BKS 88B1 – 199.52 là của chị Nguyễn Thị Khánh, ngày 18/10/2018, Th và Kh tự ý lấy xe máy trên đi, chị Tâm, chị Khánh không biết Th, Kh sử dụng xe máy trên vào việc phạm tội. nên Cơ quan C an thành phố Vĩnh Yên đã trả lại chị Tâm, chị Khánh xe máy nêu trên là có căn cứ.

[8] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Đặng Trần Q 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Nguyễn Văn Th 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Nguyễn Văn C 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Nguyễn C Kh 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản” thời hạn thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn C Kh cho Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 dao nhọn, tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen của Đặng Trần Q; trả lại cho anh Phạm Thế H 01 điện thoại Iphone 7Plus vỏ màu hồng; (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2019). Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước của Đặng Trần Q 6.000.000đ do phạm tội mà có.

5. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Đặng Trần Q, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn C, Nguyễn C Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Yên;
- C an thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Yên;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã An Hòa, huyện Tam Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đỗ Minh Ái